



CẬP NHẬT PHÁP LÝ

THÁNG 8/2024

CONTACT US

 www.likonlaw.com

 inquiries@likonlaw.com

 1st Floor, May Plaza Building, 63D Vo Van Tan,
Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

LIKON LAW – VIETNAM INTERNATIONAL PRACTICE

*"Legal Professional Knowledge with a Committed
Personal Touch"*

PHẦN 1: CẬP NHẬT PHÁP LÝ THÁNG 8 NĂM 2024

1. THÔNG TƯ 02/2024/TT-BNNPTNT: THÔNG TƯ QUY ĐỊNH THỜI HẠN KHÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP, CÔNG TY, HỢP TÁC XÃ SAU KHI THÔI CHỨC VỤ

Ngày 27/03/2024 vừa qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp) đã ban hành Thông tư 02/2024/TT-BNNPTNT nhằm quy định về các lĩnh vực cụ thể cùng với thời hạn mà người đã giữ chức vụ, quyền hạn trong phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp không được thành lập và giữ các chức vụ quản lý trong doanh nghiệp nói chung và hợp tác xã nói riêng kể từ khi thôi giữ các chức vụ tại những cơ quan thuộc sự quản lý của Bộ Nông nghiệp.

Thông tư trên sẽ có hiệu lực kể từ ngày 20/5/2024, mục đích của thông tư nhằm minh bạch trong sự quản lý và đặt ra thời hạn cụ thể mà người đã từng giữ chức vụ trong cơ quan thuộc nhà nước không được làm sau khi thôi giữ chức vụ thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp.

1.1. Nhóm các lĩnh vực thuộc sự quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà người đã từng giữ các chức vụ trong nhóm lĩnh vực này cần lưu ý

Căn cứ Điều 5 Thông tư 02/2024/TT-BNNPTNT đã quy định theo hướng liệt kê những lĩnh vực mà Bộ Nông nghiệp quản lý bao gồm: Trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai, lâm nghiệp, kiểm lâm, thủy sản, kiểm ngư, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường.

Vì vậy, các cá nhân, người đã giữ các chức vụ trong phạm vi nói trên thuộc Bộ Nông nghiệp cần lưu ý là sẽ không được tự thành lập mới doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nói trên hoặc bất kỳ sự đảm nhiệm chức vụ và quản lý ở doanh nghiệp có nguồn vốn tư nhân bên ngoài.

1.2. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp và hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ

Thông tư nhằm điều chỉnh và tránh sự thiếu khách quan đối với nhóm cá nhân đã từng giữ vị trí quản lý thuộc Bộ Nông nghiệp và quy định thời hạn không được nắm giữ quyền hạn trong cùng lĩnh vực kể từ khi thôi chức vụ. Luật cũng định ra một thời hạn nhất định, không cấm hoàn toàn đối với nhóm đối tượng trên, cụ thể:

- Các cá nhân trong thời hạn đủ 12 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì người có chức vụ, quyền hạn đã công tác trong các lĩnh vực được nêu tại mục 1 “không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình được giao quản lý, thực hiện nhiệm vụ”.
- Các cán bộ, công chức và viên chức đã trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án, đề án trong phạm vi mục 1 sẽ không được giữ các chức vụ cho đến khi thực hiện xong chương trình, dự án, đề án.

Như vậy, thời hạn không được giữ các chức vụ, hoạt động trong lĩnh vực đã làm cho các cá nhân đã giữ chức vụ nói chung là 12 tháng kể từ ngày thôi chức vụ và thời hạn đối với các cán bộ, công chức, viên chức đã nghiên cứu, thẩm định, phê duyệt dự án nói chung là đến khi dự án được hoàn thành.

2. NGHỊ ĐỊNH 71/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ GIÁ ĐẤT

Ngày 01/8/2024, Luật Đất đai 2024 vừa có hiệu lực thi hành trên thực tiễn, cùng với đó là Nghị định 71/2024/NĐ-CP có hiệu lực pháp luật cùng lúc. Nghị định quy định cụ thể về phương pháp định giá đất, nhằm cụ thể hóa quy định tại Điều 158 Luật Đất đai 2024.

Nghị định 71/2024/NĐ-CP quy định cụ thể trình tự xác định giá đất theo 4 phương pháp gồm “so sánh, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất”. Mỗi phương pháp sẽ có cách áp dụng riêng và cần dựa vào từng trường hợp để xác định, cụ thể:

- **Phương pháp so sánh:** Được thực hiện bằng cách điều chỉnh mức giá của các thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố có ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá thông qua việc phân tích, so sánh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất sau khi đã loại trừ giá trị tài sản gắn liền với đất (nếu có) để xác định giá của thửa đất cần định giá;

- **Phương pháp thu nhập:** được thực hiện bằng cách lấy thu nhập ròng bình quân năm trên một diện tích đất chia cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của loại tiền gửi bằng tiền Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trên địa bàn cấp tỉnh của 03 năm liền kề tính đến hết quý gần nhất có số liệu trước thời điểm định giá đất;

- **Phương pháp thặng dư:** được thực hiện bằng cách lấy tổng doanh thu phát triển ước tính trừ đi tổng chi phí phát triển ước tính của thửa đất, khu đất trên cơ sở sử dụng đất có hiệu quả cao nhất (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, số tầng cao tối đa của công trình) theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- **Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất:** được thực hiện bằng cách lấy giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất. Hệ số điều chỉnh giá đất được xác định thông qua việc so sánh giá đất trong bảng giá đất với giá đất thị trường.

Ngoài ra, tại Điều 8 Nghị định 71/2024/NĐ-CP còn quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất bao gồm:

- Đối với đất phi nông nghiệp sẽ có các yếu tố:
 - Vị trí, địa điểm của thửa đất, khu đất;
 - Điều kiện về giao thông: độ rộng, kết cấu mặt đường, tiếp giáp với 01 hoặc nhiều mặt đường;
 - Điều kiện về cấp thoát nước, cấp điện;
 - Diện tích, kích thước, hình thể của thửa đất, khu đất;
 - Các yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng gồm: hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, giới hạn về chiều cao công trình xây dựng, giới hạn số tầng hầm được xây dựng theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);
 - Hiện trạng môi trường, an ninh;
 - Thời hạn sử dụng đất;
 - Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với điều kiện thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.
- Đối với đất nông nghiệp sẽ có các yếu tố:
 - Năng suất cây trồng, vật nuôi;
 - Vị trí, đặc điểm thửa đất, khu đất: khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;
 - Điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: độ rộng, cấp đường, kết cấu mặt đường; điều kiện về địa hình;
 - Thời hạn sử dụng đất, trừ đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân theo hạn mức giao đất nông nghiệp, đất nông nghiệp trong hạn mức nhận chuyển quyền thì không căn cứ vào thời hạn sử dụng đất;
 - Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

Cùng tại Điều 8 Nghị định 71/2024/NĐ-CP quy định sẽ giao trách nhiệm cho tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất để Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất để

xác định mức tương đồng nhất định, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.

Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quy định cụ thể hoặc quy định còn thiếu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thì tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất cụ thể trong báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất để Hội đồng thẩm định giá đất xem xét, quyết định.

3. THÔNG TƯ SỐ: 11/2024/TT-NHNN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 16/2021/TT-NHNN NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 2021 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG MUA BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 11/2024/TT-NHNN quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 16/2021/TT-NHNN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tín dụng mua bán trái phiếu doanh nghiệp.

3.1. Phạm vi điều chỉnh

Nhằm phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật mới, Điều 1 của Thông tư 11/2024/TT-NHNN đã mở rộng phạm vi điều chỉnh hơn khi yêu cầu bên nhận chuyển giao trái phiếu phải "*thực hiện theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt*". Điều này quy định rõ yêu cầu đối với bên nhận chuyển giao không chỉ đơn thuần là mua bán trái phiếu mà còn phải thực hiện các biện pháp cơ cấu lại tổ chức tín dụng theo đúng phương án đã được phê duyệt.

3.2. Nguyên tắc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

a) Một số quy định đã bãi bỏ

Bãi bỏ khoản 11 và khoản 12 Điều 4 của Thông tư 16/2021/TT-NHNN

Tháng 4/2023, Ngân hàng Nhà nước đã phải ban hành Thông tư 03/2023/TT-NHNN tạm ngưng hiệu lực thi hành điều khoản trên của Thông tư 16/2021/TT-NHNN và đến nay, Thông tư 11/2024/TT-NHNN đã chính thức bãi bỏ quy định này.

b) Một số quy định được bổ sung thêm

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin người liên quan

Thông tư 11/2024/TT-NHNN bổ sung khoản 14 vào Điều 4 về nguyên tắc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp: Doanh nghiệp phát hành phải gửi cho tổ chức tín dụng thông tin về người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng trước thời điểm tổ chức

tín dụng mua trái phiếu doanh nghiệp. Người có liên quan của doanh nghiệp phát hành là tổ chức, cá nhân có quan hệ với doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với doanh nghiệp phát hành.

Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với doanh nghiệp phát hành.

- **Không dùng tiền mặt trong mua, bán trái phiếu doanh nghiệp**

Bên cạnh đó, Thông tư cũng bổ sung khoản 15 vào Điều 4: Tổ chức tín dụng phải sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện thanh toán trong hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.

3.3. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp

Thông tư 11/2024/TT-NHNN đã đưa ra những quy định chi tiết và chặt chẽ hơn đối với hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng. Cụ thể, trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không mua lại trái phiếu trước hạn theo cam kết và yêu cầu của tổ chức tín dụng, thì tổ chức tín dụng thực hiện xử lý, thu hồi tiền gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

3.4. Giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp

Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 về giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp. Theo đó, Tổng số dư mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do doanh nghiệp và người có liên quan của doanh nghiệp đó phát hành) được tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng

4. THÔNG TƯ SỐ 36/2024/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN CÓ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 36/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã. Thông tư 36/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15/8/2024.

4.1. Nguyên tắc tự phân loại

Theo điều 8 Thông tư 36/2024/TT-NHNN, nguyên tắc tự phân loại được quy định cụ thể như sau:

- Đối với toàn bộ dư nợ và số dư cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ (nhóm có mức độ rủi ro cao nhất).
- Đối với khoản cấp tín dụng hợp vốn, từng tổ chức tín dụng là hợp tác xã tham gia cấp tín dụng hợp vốn thông báo cho thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn về kết quả tự phân loại nợ.
- Đối với khoản chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, có 2 hình thức phân loại như sau:
 - a) Dưới hình thức mua có kỳ hạn
 - b) Dưới hình thức mua có bảo lưu quyền truy đòi
- Đối với số tiền mua trái phiếu chưa niêm yết, phân loại số tiền mua trái phiếu như là một khoản cho vay đối với bên phát hành trái phiếu. Nếu kéo dài kỳ hạn trái phiếu theo quy định của pháp luật thì được phân loại như một khoản cho vay được gia hạn nợ.
- Đối với khoản ủy thác cấp tín dụng mà bên nhận ủy thác chưa giải ngân hết số tiền đã ủy thác theo hợp đồng ủy thác, phải phân loại số tiền đã ủy thác như là khoản cho vay đối với bên nhận ủy thác.
- Đối với số tiền mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành, ngân hàng hợp tác xã phân loại số tiền mua như một khoản cho vay.
- Đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, được phân loại thành 5 nhóm tùy thuộc vào loại hình nghiệp vụ thực hiện:
 - a) Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng;
 - b) Đối với nghiệp vụ xác nhận thư tín dụng;
 - c) Đối với nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng;
 - d) Đối với nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng;
 - đ) Đối với số tiền mua hản miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, ngân hàng hợp tác xã phân loại số tiền mua như một khoản cho vay đối với ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng xác nhận.
- Đối với các khoản nợ vi phạm pháp luật (điểm c(iv) khoản 1 Điều 9 Thông tư 36/2024/TT-NHNN), tại thời điểm phát hiện vi phạm, phải ban hành ngay quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.
- Đối với các khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải ra quyết định thu hồi theo kết

luận thanh tra, kiểm tra. Các khoản nợ này, tổ chức tín dụng là hợp tác xã không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và trong thời gian chưa thu hồi được theo quyết định thu hồi, tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện phân loại nợ theo quy định.

- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với từng khoản nợ được tính tổng và ghi nhận kể từ thời điểm phát sinh khoản nợ đến thời điểm khách hàng hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Bên cạnh đó, theo điều 11 Thông tư 36/2024/TT-NHNN, tổ chức tín dụng là hợp tác xã cần căn cứ quy định để tự thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề (ít nhất mỗi tháng một lần, trong 07 ngày đầu tiên của tháng).

4.2. Phân loại nợ

Khoản 1 Điều 9 Thông tư 36/2024/TT-NHNN quy định về phân loại nợ. Theo đó, Tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện phân loại nợ (trừ các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng) theo 05 nhóm như sau:

- Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn);
- Nhóm 2 (Nợ cần chú ý);
- Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn);
- Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ);
- Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn).

Ngoài ra, theo điều 11 của Thông tư 36/2024/TT-NHNN thì Tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

5. THÔNG TƯ SỐ: 06/2024/TT-TTTP QUY ĐỊNH THÀNH LẬP QUẢN LÝ HỒ SƠ THANH TRA, HỒ SƠ GIẢI KHIẾU NẠI, HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2024, Thanh Tra Chính phủ ban hành Thông tư số: 06/2024/TT-TTTP quy định về việc thành lập quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo.

5.1. Nội dung hồ sơ thanh tra

Theo Điều 7 của Thông tư số: 06/2024/TT-TTTP, nội dung của hồ sơ thanh tra sẽ được chia thành 4 nhóm, bao gồm: văn bản chủ yếu, các văn bản, tài liệu do Đoàn thanh tra ban hành trong quá trình thực hiện thanh tra, văn bản, tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp và các văn bản, tài liệu khác:

a) Nhóm 1 về các văn bản chủ yếu, bao gồm:

- Văn bản chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền là căn cứ ra quyết định thanh tra (nếu có);
- Báo cáo kết quả thu thập thông tin để chuẩn bị thanh tra (nếu có);
- Quyết định thanh tra; văn bản đình chỉ, bổ sung, thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra (nếu có);
- Kế hoạch tiến hành thanh tra; kế hoạch sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch tiến hành thanh tra (nếu có);
- Báo cáo kết quả thanh tra;
- Các văn bản kết luận, chỉ đạo xử lý, quyết định xử lý của người ra quyết định thanh tra hoặc cấp có thẩm quyền; văn bản thực hiện quyền của người ra quyết định thanh tra;
- Quyết định gia hạn thời hạn thanh tra, quyết định tạm dừng cuộc thanh tra, quyết định tiếp tục cuộc thanh tra, quyết định đình chỉ cuộc thanh tra (nếu có);
- Kết luận thanh tra;
- Văn bản kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra; văn bản thông báo kết quả giải quyết vụ việc của cơ quan điều tra (nếu có);
- Văn bản công khai kết luận thanh tra;
- Văn bản tổ chức thực hiện kết luận thanh tra.

b) Nhóm 2 về các văn bản, tài liệu do Đoàn thanh tra ban hành trong quá trình thực hiện thanh tra, bao gồm:

- Văn bản, đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo về nội dung thanh tra;
- Biên bản công bố quyết định thanh tra;
- Biên bản do Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra lập khi làm việc với đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra;
- Báo cáo tiến độ, tình hình thực hiện nhiệm vụ thanh tra với người ra quyết định thanh tra;
- Văn bản, quyết định thực hiện quyền của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra (nếu có);
- Văn bản, báo cáo xác minh các nội dung thanh tra của Đoàn thanh tra hoặc các thành viên Đoàn thanh tra;

- Văn bản, báo cáo người ra quyết định thanh tra, văn bản thông báo với đối tượng thanh tra về việc kết thúc thanh tra trực tiếp;
 - Văn bản phân công nhiệm vụ của Trưởng đoàn thanh tra cho thành viên Đoàn thanh tra; Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra;
 - Biên bản họp của Đoàn thanh tra về dự thảo báo cáo kết quả thanh tra;
 - Biên bản làm việc với đối tượng thanh tra về việc giải trình tại cuộc họp đối với nội dung của dự thảo kết luận thanh tra (nếu có);
 - Biên bản họp, làm việc của người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc thanh tra với Đoàn thanh tra và thông báo ý kiến kết luận của người chủ trì họp, làm việc (nếu có);
 - Văn bản bảo lưu ý kiến của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra (nếu có) đối với dự thảo báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra;
 - Nhật ký Đoàn thanh tra;
 - Biên bản họp tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra.
- c) Nhóm 3 về văn bản, tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp, bao gồm:*
- Văn bản, báo cáo của đối tượng thanh tra theo đề cương, yêu cầu của Đoàn thanh tra;
 - Thông tin, tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp có liên quan đến nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra;
 - Thông tin, tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp, giải trình về các nội dung của dự thảo kết luận thanh tra (nếu có).
- d) Nhóm 4 về các văn bản, tài liệu khác, bao gồm:*
- Dự thảo kết luận thanh tra trình người ra quyết định thanh tra và dự thảo kết luận thanh tra báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, dự thảo kết luận thanh tra gửi thẩm định (nếu có);
 - Văn bản báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp về dự thảo kết luận thanh tra; văn bản ghi ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp về dự thảo kết luận thanh tra; văn bản tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp về dự thảo kết luận thanh tra (nếu có);
 - Văn bản xin ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về một hoặc một số nội dung của dự thảo kết luận thanh tra; văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung được xin ý kiến (nếu có);

- Quyết định giám sát, kế hoạch giám sát, báo cáo kết quả giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);
- Văn bản phân công thẩm định dự thảo kết luận thanh tra; báo cáo kết quả thẩm định dự thảo kết luận thanh tra; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo kết luận thanh tra và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);
- Văn bản cung cấp thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);
- Văn bản trung cầu giám định, kết luận giám định và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);
- Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến trách nhiệm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra (nếu có);
- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5.2. Nội dung hồ sơ giải quyết khiếu nại

Căn cứ tại Điều 11 của Thông tư số: 06/2024/TT-TTTP, nội dung của hồ sơ thanh tra sẽ được chia thành 3 nhóm, bao gồm: văn bản chủ yếu, văn bản, tài liệu được ban hành trong quá trình giải quyết khiếu nại, thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình giải quyết khiếu nại:

a) Nhóm 1 về các văn bản chủ yếu, bao gồm:

- Đơn khiếu nại hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại trực tiếp; văn bản ủy quyền của người khiếu nại; văn bản cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại (nếu có);
- Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại;
- Báo cáo kết quả kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức bị khiếu nại (nếu có);
- Văn bản giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại (nếu có); quyết định xác minh nội dung khiếu nại;
- Văn bản gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại (nếu có);
- Đơn rút khiếu nại, thông báo về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có);
- Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- Quyết định giải quyết khiếu nại;
- Văn bản công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

b) Nhóm 2 về các văn bản, tài liệu được ban hành trong quá trình giải quyết khiếu nại, bao gồm:

- Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại;
- Biên bản làm việc với người khiếu nại, người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Văn bản thông báo về việc tổ chức đối thoại; biên bản đối thoại; báo cáo kết quả đối thoại trong trường hợp người giải quyết khiếu nại phân công hoặc giao nhiệm vụ đối thoại;
- Quyết định trưng cầu giám định, văn bản đề nghị giám định; kết quả giám định (nếu có);
- Quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại; quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ (nếu có).

c) Nhóm 3 về thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình giải quyết khiếu nại, bao gồm:

- Thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại do người khiếu nại, người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan cung cấp;
- Thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại do người bị khiếu nại cung cấp;
- Thông tin, tài liệu, bằng chứng do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác cung cấp (nếu có);
- Biên bản giao nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng;
- Văn bản, báo cáo của người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; văn bản giải trình của người bị khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại (nếu có);
- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5.3. Nội dung giải quyết tố cáo

Căn cứ tại Điều 15 của Thông tư số: 06/2024/TT-TTTP, nội dung của hồ sơ thanh tra sẽ được chia thành 4 nhóm, bao gồm: văn bản chủ yếu, các văn bản, tài liệu được ban hành trong quá trình giải quyết tố cáo, thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình giải quyết tố cáo:

a) Nhóm 1 về các văn bản chủ yếu, bao gồm:

- Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp;
- Báo cáo hoặc biên bản kiểm tra, xác minh thông tin cá nhân của người tố cáo (nếu có);
- Quyết định thụ lý tố cáo;
- Thông báo việc thụ lý tố cáo;
- Thông báo nội dung tố cáo;
- Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo; quyết định thành lập Đoàn (Tổ) xác minh nội dung tố cáo (nếu có);
- Quyết định gia hạn giải quyết tố cáo (nếu có);
- Đơn rút tố cáo; biên bản ghi nhận việc rút tố cáo (nếu có);
- Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo; quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo (nếu có);
- Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo;
- Kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo (nếu có);
- Văn bản về việc công khai kết luận nội dung tố cáo; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo;
- Quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo, văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý.

b) Nhóm 2 về các văn bản, tài liệu được ban hành trong quá trình giải quyết tố cáo, bao gồm:

- Văn bản đề nghị, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo;
- Biên bản các cuộc họp, làm việc với người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung tố cáo;
- Biên bản xác minh nội dung tố cáo;
- Văn bản trưng cầu giám định; kết quả giám định (nếu có).

c) Nhóm 3 về thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình giải quyết tố cáo, bao gồm:

- Thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo do người tố cáo, người bị tố cáo cung cấp; biên bản giao nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng;
- Văn bản giải trình của người bị tố cáo;
- Thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác cung cấp (nếu có);
- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

6. NGHỊ QUYẾT 133/2024/QH15 PHÊ CHUẨN VĂN KIẾN GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2024, Quốc hội vừa ban hành Nghị quyết số 133/2024/QH15 phê chuẩn Văn kiện gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Tổ chức thực hiện điều ước quốc tế

Điều 3 của Nghị quyết số: 133/2024/QH15 nêu rõ tổ chức thực hiện điều ước quốc tế như sau:

Quốc Hội giao Chính phủ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Văn kiện gia nhập Hiệp định CPTPP của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm phê duyệt và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương và địa phương triển khai kế hoạch thực hiện Văn kiện gia nhập Hiệp định CPTPP của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan hoàn thành thủ tục phê chuẩn Văn kiện gia nhập Hiệp định CPTPP của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và thông báo thời điểm có hiệu lực đối với Việt Nam.

PART 2: DANH SÁCH VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ HIỆU LỰC THÁNG 8/2024

| No. | DOCUMENT NO. | ISSUED DATE | EFFECTIVE DATE | DOCUMENT TYPE | ISSUING STATE AGENCY | DOCUMENT NAME |
|-----|---------------|-------------|----------------|---------------|----------------------|--|
| 1 | 31/2024/QH15 | 18/01/2024 | 01/8/2024 | LUẬT | Quốc hội | Luật số 31/2024/QH15 Luật Đất đai 2024 |
| 2 | 27/2023/QH15 | 27/11/2023 | 01/8/2024 | LUẬT | Quốc hội | Luật số 27/2023/QH15 Luật Nhà ở 2023 |
| 3 | 32/2024/QH15 | 18/01/2024 | 01/8/2024 | LUẬT | Quốc hội | Luật số 32/2024/QH15 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 |
| 4 | 29/2023/QH15 | 28/11/2023 | 01/8/2024 | LUẬT | Quốc hội | Luật số 29/2023/QH15 Luật Kinh doanh Bất động sản 2023 |
| 5 | 71/2024/NĐ-CP | 27/06/2024 | 01/8/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định về giá đất |
| 6 | 88/2024/NĐ-CP | 15/07/2024 | 01/8/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất |
| 7 | 62/2024/NĐ-CP | 07/06/2024 | 01/8/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 62/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 94/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thống kê và Nghị định 94/2022/NĐ-CP |
| 8 | 60/2024/NĐ-CP | 05/06/2024 | 01/8/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ |
| 9 | 67/2024/NĐ-CP | 25/06/2024 | 09/08/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 67/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP |

| | | | | | | |
|----|--------------------|------------|------------|------------|---------------------------------|---|
| 10 | 68/2024/NĐ-CP | 25/06/2024 | 15/08/2024 | NGHỊ ĐỊNH | Chính phủ | Nghị định số 68/2024/NĐ-CP quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ |
| 11 | 1825/QĐ-BCT | 09/07/2024 | 01/08/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Bộ Công thương | Quyết định số 1825/QĐ-BCT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý |
| 12 | 5287/QĐ-BCA | 18/07/2024 | 01/8/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Bộ Công an | Quyết định số 5287/QĐ-BCA về việc công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an |
| 13 | 698/QĐ-TTg | 19/07/2024 | 15/08/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Thủ tướng Chính phủ | Quyết định số 698/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 |
| 14 | 08/2024/QĐ-TTg | 28/06/2024 | 15/08/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Thủ tướng Chính phủ | Quyết định số 08/2024/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao |
| 15 | 605/QĐ-TTg | 08/07/2024 | 16/08/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Thủ tướng Chính phủ | Quyết định số 605/QĐ-TTg về việc kéo dài thời gian giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp đối với ông Nguyễn Khánh Ngọc |
| 16 | 1998/QĐ-BVHTTDL | 22/07/2024 | 20/08/2024 | QUYẾT ĐỊNH | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Quyết định số 1998/QĐ-BVHTTDL về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |
| 17 | 02/2024/TT-BVHTTDL | 17/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Văn hoá, Thể | Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành |

| | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----------|----------|---------------------------------|---|
| | | | | | thao và Du lịch | thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh |
| 18 | 03/2024/TT-BVHTTDL | 17/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao |
| 19 | 02/2024/TT-BNV | 12/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Nội vụ | Thông tư số 02/2024/TT-BNV quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2024/NĐ-CP |
| 20 | 10/2024/TT-BYT | 13/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Y tế | Thông tư số 10/2024/TT-BYT ban hành Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc |
| 21 | 05/2024/TT-BTTTT | 14/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Thông tin và Truyền thông | Thông tư số 05/2024/TT-BTTTT hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực báo chí thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 22 | 04/2024/TT-BKHCN | 12/06/2024 | 01/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư số 04/2024/TT-BKHCN quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 |
| 23 | 46/2024/TT-BTC | 09/7/2024 | 28/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Tài chính | Thông tư số 46/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế |
| 24 | 04/2024/TT-BNV | 27/06/2024 | 15/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Nội vụ | Thông tư số 04/2024/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức |

| | | | | | | |
|----|------------------|------------|------------|----------|-----------------------|---|
| 25 | 05/2024/TT-BNV | 27/06/2024 | 15/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Nội vụ | Thông tư số 05/2024/TT-BNV quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức |
| 26 | 32/2024/TT-BCA | 10/7/2024 | 24/8/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Công an | Thông tư số 32/2024/TT-BCA sửa đổi Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Thông tư số 08/2018/TT-BCA liên quan đến phòng cháy chữa cháy |
| 27 | 42/2024/TT-BTC | 20/06/2024 | 05/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Tài chính | Thông tư số 42/2024/TT-BTC ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá bất động sản |
| 28 | 24/2024/TT-BCA | 21/06/2024 | 05/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Công an | Thông tư số 24/2024/TT-BCA quy định về tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống trong công an nhân dân |
| 29 | 11/2024/TT-BKHĐT | 24/06/2024 | 10/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thông tư số 11/2024/TT-BKHĐT quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê |
| 30 | 13/2024/TT-NHNN | 28/06/2024 | 12/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 13/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư số 32/2015/TT-NHNN quy định các giới hạn của quỹ tín dụng nhân dân |
| 31 | 11/2024/TT-NHNN | 28/06/2024 | 12/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 11/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư số 16/2021/TT-NHNN tổ chức tín dụng mua bán trái phiếu doanh nghiệp |
| 32 | 14/2024/TT-NHNN | 28/06/2024 | 12/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 14/2024/TT-NHNN quy định phân loại tài sản có của tổ chức tài chính vi mô |

| | | | | | | |
|----|------------------|------------|------------|----------|------------------------------|--|
| 33 | 23/2024/TT-NHNN | 28/06/2024 | 12/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 23/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư số 10/2016/TT-NHNN hướng dẫn nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành |
| 34 | 44/2024/TT-BTC | 28/06/2024 | 14/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Tài chính | Thông tư số 44/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT |
| 35 | 07/2024/TT-TTCP | 01/07/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Thanh tra Chính phủ | Thông tư số 07/2024/TT-TTCP quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng |
| 36 | 06/2024/TT-TTCP | 01/07/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Thanh tra Chính phủ | Thông tư số 06/2024/TT-TTCP quy định việc lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo |
| 37 | 32/2024/TT-NHNN | 30/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 32/2024/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại |
| 38 | 36/2024/TT-NHNN | 30/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 36/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã |
| 39 | 08/2024/TT-NHNN | 25/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 08/2024/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia |
| 40 | 06/2024/TT-BTTTT | 01/07/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Thông tin và Truyền thông | Thông tư số 06/2024/TT-BTTTT quy định công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam |

| | | | | | | |
|----|--------------------|------------|------------|----------|--|--|
| 41 | 08/2024/TT-BNNPTNT | 28/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thông tư số 08/2024/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 42 | 25/2024/TT-BGTVT | 28/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Giao thông Vận tải | Thông tư số 25/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành |
| 43 | 06/2024/TT-BTNMT | 28/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường |
| 44 | 16/2024/TT-NHNN | 28/06/2024 | 15/08/2024 | THÔNG TƯ | Ngân hàng Nhà nước | Thông tư số 16/2024/TT-NHNN quy định về việc xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng của Tổ chức tín dụng, công ty con của Tổ chức tín dụng |
| 45 | 12/2024/TT-BKHĐT | 28/06/2024 | 16/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thông tư số 12/2024/TT-BKHĐT quy định thời hạn không được thành lập, điều hành doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ |
| 46 | 07/2024/TT-BTTTT | 02/07/2024 | 16/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Thông tin và Truyền thông | Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà |

| | | | | | Truyền thông | |
|----|--------------------|------------|------------|------------|--|---|
| 47 | 04/2024/TT-BVHTTDL | 26/06/2024 | 20/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL sửa đổi Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL hướng dẫn Luật Du lịch |
| 48 | 08/2024/TT-BTTTT | 10/07/2024 | 23/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Thông tin và Truyền thông | Thông tư số 08/2024/TT-BTTTT quy định chi tiết hoạt động buôn bán trong viễn thông |
| 49 | 01/2024/TT-BNG | 15/07/2024 | 29/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Ngoại giao | Thông tư số 01/2024/TT-BNG quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao |
| 50 | 49/2024/TT-BTC | 16/07/2024 | 30/08/2024 | THÔNG TƯ | Bộ Tài chính | Thông tư số 49/2024/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 |
| 51 | 04/2024/NQ-HĐTP | 12/06/2024 | 01/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao | Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép thủy sản |
| 52 | 131/2024/QH15 | 21/06/2024 | 05/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 131/2024/QH15 thành lập Đoàn giám sát thực hiện chính sách, pháp luật khi Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực |
| 53 | 132/2024/QH15 | 24/06/2024 | 08/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 132/2024/QH15 bổ sung dự toán thu Ngân sách nhà nước năm 2022 và |

| | | | | | | |
|----|---------------|------------|------------|------------|----------|---|
| | | | | | | phê chuẩn quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2022 |
| 54 | 133/2024/QH15 | 25/06/2024 | 09/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 133/2024/QH15 phê chuẩn văn kiện gia nhập Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| 55 | 138/2024/QH15 | 28/06/2024 | 12/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 138/2024/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) |
| 56 | 141/2024/QH15 | 29/06/2024 | 13/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 141/2024/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV |
| 57 | 142/2024/QH15 | 29/06/2024 | 13/08/2024 | NGHỊ QUYẾT | Quốc hội | Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV |